

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẨM PHẢ
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 153/2023/HS-ST
Ny: 31 - 10 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ - TỈNH QUẢNG NINH**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Chính Nghĩa.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Bùi Đăng Triệu.
Bà Trịnh Thị Huệ.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Huệ - Thư ký tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Trong Ny 31 tháng 10 năm 2023 tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 118/2023/TLST- HS Ny 02 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 130/2023/QĐXXST- HS Ny 16 tháng 10 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Hoàng Thị N; Tên gọi khác: không; sinh ngày: xx/x/19xx, tại huyện T1, tỉnh Y; nơi thường trú: tổ xx, khu T2, phường Đ, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; nơi ở: tổ x, khu x, phường H4, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; nghề nghiệp: Giám đốc Công ty cổ phần phát triển xxx; trình độ văn hóa: 12/12; con ông: Hoàng Thanh H1 (đã chết) và bà: Hoàng Thị K; có chồng: Trần Viết H2, sinh năm 1965; có 03 con: con lớn sinh năm 19xx, con nhỏ sinh năm 20xx; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo đầu thú ngày 04/5/2023, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” và “Tạm hoãn xuất cảnh” - có mặt.

2. Họ và tên: Nguyễn Thị Khánh L; tên gọi khác: không; sinh ngày 15/02/1994, tại thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; nơi thường trú: tổ 2, khu 10B, phường H4, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; nơi ở: tổ x, khu xx, phường H4, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; giới tính: nữ; tôn giáo: không; nghề nghiệp: kế toán Công ty cổ phần phát triển xxx; trình độ văn hóa: 12/12; con ông: Nguyễn Xuân M và bà: Nguyễn Thị Minh H3; có chồng: Đào Mạnh C, sinh năm 1987; có 02 con: con lớn sinh năm 20xx, con nhỏ sinh năm 20xx; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo đầu thú ngày xx/x/20xx, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” và “Tạm hoãn xuất cảnh” - có mặt.

- *Nguyễn đơn dân sự:* Chi cục thuế khu vực T.

Trụ sở: khu L1, phường B1, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; người đại diện: ông Hoàng Mạnh Thu; chức vụ: đội trưởng đội kiểm tra thuế số 1, chi cục thuế khu vực Cẩm Phả - Vân Đồn - Cô Tô - vắng mặt không lý do.

- *Người làm chứng*: Trần Việt H2, Trần Mạnh C, Trần Văn H3 (đều vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hoàng Thị N, chức vụ giám đốc và Nguyễn Thị Khánh L phụ trách kế toán của Công ty xx có ngành nghề đăng ký kinh doanh chính là vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Trong quá trình kinh doanh, N đã mua một số vật tư, phụ tùng của một số cửa hàng (nhưng không kèm hóa đơn giá trị gia tăng hợp pháp mà chỉ có hoá đơn bán lẻ tự in) để thay thế, sửa chữa phụ tùng xe ô tô. Để hợp lý số hàng hóa đã mua, N đã tìm hiểu và mua hóa đơn không của Công ty M1 (viết tắt là Công ty M1). Căn cứ vào các hóa đơn bán lẻ mà Công ty 117 đã mua, N trao đổi với L về việc mua hóa đơn của Công ty M1 để hợp thức hoá, L đồng ý. Sau đó, để mua được hóa đơn của Công ty M1, thì L lập bảng kê hàng hóa cần mua và bổ sung một số vật tư không, rồi gửi cho Công ty M1 xuất hóa đơn cho Công ty 117. Sau khi Công ty M1 xuất hóa đơn điện tử, L lập biên bản giao nhận hàng hóa theo Ny mà Công ty M1 xuất hóa đơn, đưa cho Trần Mạnh C - là thủ kho của Công ty - ký vào phần người nhận hàng. Còn N sử dụng tài khoản của Công ty xxx chuyển tiền mua hóa đơn vào tài khoản của Công ty M1. Từ tháng 7 đến tháng 12/2022, Công ty xxx đã 18 lần mua hóa đơn của Công ty M1, với tổng số tiền hàng trên hóa đơn là 5.717.415.000 đồng (trong đó có 17 hóa đơn ghi nội dung hàng hóa, 01 hóa đơn điều chỉnh thuế), số tiền thuế giá trị gia tăng là 468.404.400 đồng. N đã sử dụng tài khoản của Công ty xxx chuyển khoản cho Công ty M1 tổng số tiền là 6.535.819.400 đồng. Công ty xxx đã sử dụng 18 hoá đơn này để kê khai thuế giá trị gia tăng đầu vào cho các tháng 8, 9, 10, 11, 12/2022 để làm tăng số thuế giá trị gia tăng được khấu trừ và làm giảm số thuế giá trị gia tăng phải nộp.

Kết luận giám định ngày 25/5/2023 của Cục thuế tỉnh Quảng Ninh kết luận: Công ty xxx đã sử dụng 18 số hóa đơn giá trị gia tăng không hợp pháp (hóa đơn không có hàng hóa đi kèm) của Công ty TNHH đầu tư thương mại xây dựng vận tải Hùng Mạnh để hợp thức hóa nguồn gốc vật tư, phụ tùng mua trôi nổi trên thị trường và tăng chi phí sửa chữa của Công ty. Công ty đã kê khai thuế giá trị gia tăng đầu vào của 18 số hóa đơn GTGT tại các kỳ khai thuế GTGT tháng 8, 9, 10, 11, 12 năm 2022 để làm tăng số thuế GTGT được khấu trừ và làm giảm số thuế GTGT phải nộp. Số tiền thuế GTGT Công ty xxx trốn thuế là 353.653.402 đồng (ba trăm năm mươi ba triệu, sáu trăm năm mươi ba nghìn bốn trăm linh hai nghìn đồng).

Quá trình điều tra Hoàng Thị N và Nguyễn Thị Khánh L đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên. Ngoài ra, N khai: N mua hóa đơn do một người đàn ông không quen biết đến Công ty xxx giới thiệu là nhân viên của Công ty M1. N mua với giá bằng 06% trên tổng giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn, số tiền mua hóa đơn N trả bằng tiền mặt cho người này. Còn tiền giao dịch trên hoá đơn thì người đàn

ông đưa tiền mặt cho N, để N thực hiện việc chuyển khoản qua ngân hàng từ Công ty xxx cho Công ty M1. N đã chuyển khoản dư 350.000.000 đồng so với tổng tiền hàng trên hóa đơn cho Công ty M1 vì do không mua hàng thực tế nên việc chuyển tiền không khớp với hóa đơn.

Từ Ny 04 đến Ny 09/8/2023, N và L đã tự nguyện bỏ tiền cá nhân để Công ty xxx kê khai nộp số tiền 468.404.400 đồng vào ngân sách nhà nước, theo Kết luận giám định Ny 5/5/2023 của Cục thuế tỉnh Quảng Ninh, để khắc phục hậu quả.

- Đại diện Nguyên đơn dân sự có lời khai tại cơ quan điều tra như sau: Công ty cổ phần phát triển xxx đã sử dụng 18 số hóa đơn GTGT không hợp pháp (hóa đơn không có hàng hóa đi kèm) của Công ty TNHH đầu tư thương mại xây dựng vận tải Hùng Mạnh để kê khai khấu trừ thuế GTGT đầu vào, số tiền là 468.404.400 đồng (bốn trăm sáu mươi tám triệu bốn trăm linh bốn nghìn bốn trăm đồng) tại các kỳ khai thuế GTGT các tháng 8, 9, 10, 11, 12 năm 2023 dẫn đến làm giảm số thuế phải nộp số tiền là 353.653.402 đồng (ba trăm năm mươi ba triệu sáu trăm năm mươi ba nghìn bốn trăm linh hai nghìn) và làm tăng số tiền thuế GTGT được khấu trừ chuyển kỳ sau số tiền là 114.750.998 đồng (một trăm mười bốn triệu bảy trăm năm mươi nghìn chín trăm chín mươi tám nghìn đồng). Nguyên đơn dân sự không yêu cầu gì đối với cả 02 bị cáo.

- Người làm chứng Trần Viết H2 khai tại Cơ quan điều tra như sau: công ty cổ phần phát triển xxx được thành lập năm 2003, mã số doanh nghiệp 5700437323 đã thay đổi lần thứ 10 vào Ny 20/3/2023 vẫn sử dụng tên Công ty cổ phần phát triển 117. Tại công ty, anh làm chủ tịch Hội đồng quản trị. Hoàng Thị N chức vụ giám đốc công ty. N còn là vợ của anh, còn Nguyễn Thị Khánh L là kế toán của công ty. Từ khi thành lập đến nay, mọi sự điều hành do vợ anh, còn anh không tham gia bất cứ khâu nào trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty. Qua lời trình bày của vợ anh thì trong năm 2022, vợ anh đã mua bán trái phép hóa đơn với Công ty M1 ở thành phố Hải Phòng. Còn cụ thể giao dịch thế nào thì anh không được biết vì anh không được ký, giao nhận bất kỳ chứng từ hay vật tư gì.

Khoảng tháng 5/2023, vợ anh là Hoàng Thị N có bảo anh đưa căn cước công dân của anh cho N để liên hệ với Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải Việt Nam (MSB) mở tài khoản số 0832215888. Số tài khoản này cũng là số điện thoại di động N dùng hàng Ny. Qua tra cứu thông tin về số tài khoản 0832215888, anh thấy có thực hiện giao dịch chuyển nhận tiền lúc 14 giờ 28 phút 56 giây và 14 giờ 29 phút 44 giây ngày 30/11/2022 cùng nội dung “NGUYEN VAN DAT chuyen tien”, với số tiền lớn hơn số tiền thụ hưởng lương hưu của mình. Anh khẳng định những lần giao dịch trên không phải do anh thực hiện. Anh không biết ai là Nguyễn Văn Đạt. Anh có hỏi N thì được N giải thích sau khi có được căn cước công dân của anh thì N tự đến ngân hàng mở tài khoản khác mang tên anh để phục vụ cho công việc cá nhân của N. Do là vợ chồng nên anh cũng không hỏi và không kiểm tra về toàn bộ việc mở tài khoản và giao dịch của N với các Ngân hàng.

* Người làm chứng Trần Mạnh C có lời khai tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa như sau: anh là thủ kho của Công ty cổ phần phát triển xxx do Hoàng Thị N làm giám đốc. Từ năm 2022 đến nay, N phân công anh phụ trách, quản lý kho, giao nhận hàng hóa và xưởng sửa chữa tại khai trường Công ty S, thuộc phường D, thành phố Cẩm Phả. Cụ thể là trông coi kho, quản lý cấp vật tư cho công nhân tại

xưởng sửa chữa ô tô, đồng thời xuất nhập hàng hóa tại kho công ty. Nhân sự của Công ty cổ phần phát triển xxx gồm N là giám đốc công ty, L là kế toán, anh Tiến là quản lý đội lái xe tải của công ty và anh là thủ kho trên khai trường Công ty S. Do hàng Ny anh nhận vật tư và xuất luôn cho công nhân sửa chữa nên anh không nhớ được cụ thể số lượng hàng hóa nhập trong tháng có đúng và đủ như biên bản giao nhận hàng hóa mà N đưa cho anh ký. Đồng thời anh nghĩ là N làm và bảo anh ký để hoàn thiện hồ sơ thanh toán với bên bán hàng nên anh ký chứ anh cũng không để ý đến số lượng hàng hóa trong biên bản. Anh chỉ biết nhận hàng, còn nguồn gốc hàng hóa anh không rõ.

* Người làm chứng Trần Văn Hùng có lời khai tại cơ quan điều tra như sau: anh có mối quan hệ quen biết với Hoàng Thị N và ông Trần Viết H2 là chồng của N. Anh dùng 02 số tài khoản ngân hàng gồm số tài khoản 5555265555 mang tên Trần Văn Hùng mở tại ngân hàng SHB và số tài khoản 2225558666 mang tên Trần Văn Hùng mở tại ngân hàng SHB. Khoảng 09 giờ sáng Ny 30/12/2022, N có trao đổi với anh cần gấp gần 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng) muốn anh cho vay và hẹn đến chiều sẽ có người chuyển tiền trả cho anh. Anh liền đồng ý và thực hiện 05 lần giao dịch chuyển tiền tài khoản ngân hàng của anh đến số tài khoản 44110000888699 tại ngân hàng BIDV cho N số tiền 1.937.000.000 đồng (một tỷ chín trăm ba mươi bảy triệu đồng). Đến khoảng 11 giờ cùng Ny thì anh nhận được 05 tin nhắn thông báo của Ngân hàng SHB với nội dung “NGUYEN VAN DAT chuyen tien” và anh kiểm tra tài khoản của anh được nhận đủ số tiền là 1.938.000.000 đồng (một tỷ chín trăm ba mươi tám triệu đồng). Sau khi nhận tiền, anh có trao đổi lại với N và N xác nhận đúng là số tiền đó và bảo anh cứ nhận tiền. Khoảng 13 giờ Ny 22/02/2023, khi anh đang ở nhà, N có gọi điện và trao đổi muốn nhờ anh nhận nhận tiền vào tài khoản của anh. Anh đồng ý đến khoảng 13 giờ 30 phút thì anh nhận được 01 tin nhắn thông báo của Ngân hàng SHB với nội dung “NGUYEN VAN DAT chuyen tien”. Anh kiểm tra lại thì tài khoản của anh được cộng thêm 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng). Anh có trao đổi lại với N thì N nói anh cứ giữ lại số tiền đó, sau này trừ vào công nợ sau. Anh và N là bạn bè trong công việc làm ăn. Tuy nhiên anh không quan tâm đến việc cá nhân của N. Anh không biết số tiền trên sử dụng vào mục đích gì và nguồn tiền phát sinh từ đâu.

Bản cáo trạng số 127/CT - VKS-CP ngày 26/9/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả truy tố các bị cáo Hoàng Thị N và Nguyễn Thị Khánh L về tội: “Trốn thuế” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 200 Bộ luật hình sự (tương ứng với tình tiết định khung tại điểm d khoản 1 Điều 200 Bộ luật hình sự).

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả đưa ra những chứng cứ, chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo và giữ nguyên quan điểm truy tố như nội dung cáo trạng. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 200; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Hoàng Thị N từ 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng) đến 450.000.000 đồng (bốn trăm năm mươi triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước; xử phạt Nguyễn Thị Khánh L từ 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) đến 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với cả 02 bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: tại cơ quan điều tra và phiên tòa các bị cáo Hoàng Thị N và Nguyễn Thị Khánh L khai nhận toàn bộ hành vi vi phạm pháp luật như Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả đã truy tố.

Các bị cáo thừa nhận việc bị khởi tố, truy tố và đưa ra xét xử là đúng, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với các lời khai có tại hồ sơ vụ án, phù hợp với các biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ, phù hợp với 18 hóa đơn giá trị gia tăng và các tờ khai thuế giá trị gia tăng của Công ty cổ phần phát triển xxx; phù hợp với kết luận giám định ngày 25/5/2023 tại Cục thuế Quảng Ninh; lời khai nhận tội của các bị cáo còn phù hợp với lời khai của Nguyên đơn dân sự về các mốc thời gian trốn thuế; phù hợp với lời khai của người làm chứng là các anh Trần Viết H2, Trần Văn Hùng đã xác nhận quá trình bị cáo sử dụng tài khoản của các anh và mở tài khoản để chuyển tiền nhằm mục đích hợp lý hóa chứng từ, che giấu cơ quan chức năng về hành vi trốn thuế. Người làm chứng Trần Mạnh C xác nhận việc được bị cáo N chỉ đạo ký các hóa đơn nhận hàng hóa, vật tư mà không nắm rõ số lượng hàng hóa có trong biên bản; phù hợp với các tài liệu và chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án.

Từ những căn cứ trên có đủ cơ sở kết luận: Từ tháng 7 đến tháng 12/2022, tại Công ty Cổ phần và phát triển xxx, thuộc tổ 6, khu 2, phường H4, thành phố Cẩm Phả, Hoàng Thị N và Nguyễn Thị Khánh L đã có hành vi mua trái phép 18 số hóa đơn không, tổng giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn là 6.185.819.400 đồng, để hợp thức hàng hóa đầu vào và kê khai khấu trừ thuế giá trị gia tăng, để trốn thuế với tổng số tiền là 353.653.402 đồng.

Hành vi của các bị cáo Hoàng Thị N Nguyễn Thị Khánh L đã phạm tội : “Trốn thuế”. Tội phạm và hình phạt quy định tại điểm b khoản 2 Điều 200 Bộ luật hình sự (tương ứng với tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm d khoản 1 Điều 200 Bộ luật hình sự)

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm tới trật tự quản lý kinh tế mà cụ thể là xâm phạm quy định của Nhà nước về quản lý thuế, làm suy giảm nguồn thu ngân sách của Nhà nước trong lĩnh vực thuế. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, năng lực pháp luật, biết rõ hành vi trốn thuế là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích vụ lợi nên vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội nên cần áp dụng hình phạt tương xứng để đảm bảo tính răn đe.

Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án thấy rằng: các bị cáo Hoàng Thị N và Nguyễn Thị Khánh L thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm. Bị cáo N

là người chủ động đề xuất với bị cáo L về việc mua hóa đơn của Công ty M1 để hợp lý hóa chứng từ. Bị cáo L tiếp nhận và thực hiện ý chí của bị cáo N với vai trò giúp sức. Do đó, vai trò của bị cáo N được đánh giá vai trò cao hơn bị cáo L và phải chịu hình phạt cao hơn.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có.
- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: cả 02 bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; bị cáo N đã cùng với L tự nguyện khắc phục toàn bộ hậu quả, dùng tiền cá nhân là 468.404.400 đồng (bốn trăm sáu mươi tám triệu bốn trăm linh bốn nghìn bốn trăm đồng) nộp ngân sách Nhà nước theo kết luận của Cục thuế Quảng Ninh; sau khi hành vi phạm tội bị phát giác cả 02 bị cáo đã đầu thú nên các bị cáo được xem xét giảm nhẹ hình phạt theo quy định tại các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét cả 02 bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong đó có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên thấy không cần thiết phải cách L các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội. Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền và áp dụng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt theo quy định tại khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự cũng đủ sức giáo dục và răn đe.

[4] Về hình phạt bổ sung: xét các bị cáo đã thực sự ăn năn hối cải nên không áp dụng hình phạt bổ sung là cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề theo quy định tại khoản 4 Điều 200 Bộ luật hình sự.

[5] Về biện pháp tư pháp: hủy bỏ các “Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú” số 140, 141/2023/HSST/LCĐKNCT Ny 02/10/2023 và “Quyết định tạm hoãn xuất cảnh” số: 157, 158/2023/HSST/QĐ Ny 02/10/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả.

[6] Về án phí: các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Đối với Công ty M1 có hành vi bán trái phép hóa đơn cho Công ty xxx, hiện nay Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P đang phối hợp giải quyết để xác minh, làm rõ xử lý sau.

Đối với Trần Mạnh C ký vào các biên bản giao nhận hàng hóa giữa Công ty M1 với Công ty xxx, nhưng không biết việc N và L mua khống hóa đơn, nên không đề cập xử lý.

Các bị cáo Hoàng Thị N và Nguyễn Thị Khánh L tự ý mua trái phép hóa đơn với mục đích để Công ty xxx sử dụng vào việc sửa chữa, thay thế phụ tùng thiết bị ô tô của Công ty, nên việc mua trái phép hóa đơn bị xử lý về tội “Trốn thuế”, theo quy định tại Điều 200 Bộ luật hình sự. Còn Hội đồng quản trị của Công ty xxx không biết việc N và L mua trái phép hóa đơn để trốn thuế nên không có căn cứ xử lý đối với pháp nhân và các cá nhân khác của Công ty xxx.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 200 Bộ luật hình sự (tương ứng với tình tiết định khung quy định tại điểm d khoản 1 Điều 200 Bộ luật hình sự); điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: các bị cáo Hoàng Thị N và Nguyễn Thị Khánh L phạm tội: “Trốn thuế”.

Xử phạt: Hoàng Thị N 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước

Xử phạt: Nguyễn Thị Khánh L 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

Áp dụng điểm d khoản 1, khoản 2 Điều 125 Bộ luật tố tụng hình sự;

Hủy bỏ các “Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú” số 140, 141/2023/HSST/LCĐKNCT Ny 02/10/2023 và “Quyết định tạm hoãn xuất cảnh” số: 157, 158/2023/HSST/QĐ Ny 02/10/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả.

Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 Ny 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: buộc các bị cáo Hoàng Thị N và Nguyễn Thị Khánh L, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1, khoản 4 Điều 331; khoản 1 Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự: các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 Ny kể từ Ny tuyên án; nguyên đơn dân sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 Ny kể từ Ny nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND TP Cẩm phả;
- CQTHADS TP Cẩm phả;
- CCTHAHS CA TP Cẩm Phả;
- CQCSĐT CA TP Cẩm Phả;
- Bị cáo; Nguyên đơn dân sự.
- Lưu HS-VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Trần Chính Nghĩa

